

KHỔ HIỀN TRANG

XƯA VÀ NAY



TÙNG THIÊN
TỪ BẠCH HẠC

2016

MỤC LỤC

PHẦN MỘT

LỊCH SỬ THÀNH LẬP THẢO ĐƯỜNG & KHỔ HIỀN TRANG

TIẾT 1: THẢO ĐƯỜNG & KHỔ HIỀN TRANG

- I. CƠ ĐẠO SỚM BỊ KHẢO ĐẢO BỞI THỰC DÂN PHÁP
- II. ĐƯỜNG ĐI ĐẾN KHỔ HIỀN TRANG

TIẾT 2. TRUYỀN KỲ LONG TUYỀN KIẾM

- I. LONG TUYỀN KIẾM
- II. SỰ TÍCH LONG TUYỀN KIẾM

TIẾT 3 : KHỔ HIỀN TRANG HIỆN NAY

- I. THÁNH THẤT PHÚ MỸ HIỆN NAY
- II. THIÊN NHÃN XƯA-Ý NGHĨA
 - A. Đức Chí-Tôn mở Đạo Cao Đài để cứu nhân loại, đem đến xã hội đại đồng
 - B. Hình Thiên nhãn của TT Khổ Hiền Trang giống của Thông- Thiên- Đài TTTN

PHẦN HAI

CÓ NÊN ĐẬP BỎ DI TÍCH LỊCH SỬ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

TIẾT 1: LIÊN HỆ GIỮA DÒNG THIỀN THẢO ĐƯỜNG & THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

- I. Dòng Thiền Thảo Đường
- II. Thiền phái Trúc Lâm
- III. Thảo Đường - dòng thiền phổ độ

TIẾT 2: GÌN GIỮ DI TÍCH KHỔ HIỀN TRANG

KHỔ HIỀN TRANG XƯA VÀ NAY

PHẦN MỘT

LỊCH SỬ THÀNH LẬP THẢO ĐƯỜNG & KHỔ HIỀN TRANG

Tên Khổ Hiền Trang có ý nghĩa gì?

Khổ: đắng, chỉ sự vất vả, cực nhọc về thể xác hay về tinh thần.

Hiền: lành, có đức tốt và tài năng.

Trang: nhà, trại.

Khổ Hiền Trang là cái trại hay cái nhà lớn, lập ra để những người hiền đến ở tu hành.

TIẾT 1: THẢO ĐƯỜNG & KHỔ HIỀN TRANG

I. CƠ ĐẠO SỚM BỊ KHẢO ĐÁO BỞI THỰC DÂN PHÁP

Trong hai năm 1926-1927, ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ dưới sự dìu dắt của Ông Trên, nhất là Đức Lý Giáo Tông, đã có đầy đủ các cơ chế Tân luật, Pháp Chánh Truyền, Hội thánh Cứu Trùng Đài, Hội thánh Hiệp Thiên Đài; các phẩm chức sắc cao cấp từ Thời Quân và Đầu sư trở lên đều có đủ người. Nền đạo tuy gặp nhiều khó khăn về tài chánh vì lo xây cất Đền Thánh, nhưng nhờ có sự đồng tâm hiệp lực của toàn Đạo nên việc xây dựng và phổ độ đều phát triển tốt đẹp. Số người nhập môn càng ngày càng tăng, chứng tỏ Đạo mới hợp lòng nhân dân. Đạo mừng nhưng Đờ lo. Chính quyền Pháp không thể ngăn chặn bắt bớ những người theo Đạo một cách công khai mà chỉ cho lính kín theo dõi trà trộn vào hàng ngũ trong Đạo. Việc truyền giáo và xây dựng Toà Thánh khiến nhiều người có quốc tịch khác nhau tìm đến đến nỗi một tờ báo phải lên tiếng "Một Jérusalem mới (Une Jérusalem nouvelle) có hại cho việc trị an". (J. CENDRIEUX, *Une Jérusalem Nouvelle, Extrême Asie (R1) số 25 (7-1928)*)

Chính phủ Pháp càng tăng thêm nghi kỵ nên ra lệnh cho ông Nguyễn Phát Trước (Tư Mắc) dùng bạo lực không cho các vị Đại Thiên Phong ở lại Tòa Thánh Tây Ninh. Vào tháng 3 năm Mậu Thìn (1928), một nhóm người từ Thủ Đức do ông Tư Mắc tức Nguyễn Phát Trước dẫn về Tòa Thánh và vu khống Đức Cao Thượng Phẩm làm tiền tín đồ. Họ

đuổi Đức Ngài ra khỏi Tòa Thánh trong 24 giờ, nếu không đi sẽ cột trong rừng mà bắn. Ngài quá uất ức nên mang bệnh phải về Thảo xá Hiền cung (tức Thánh Thất Tây Ninh ngày nay). Đức Ngài làm bài tự thán như sau :

*Công trình gầy dựng Thất Tây Ninh,
Bằng địa sóng xao khiến rập rình
Tà mị phàm rung rinh chất Thánh
Mùa màng sâu phá hoại hồn kinh
Xưa Tòa Thánh đập diu lai vãng
Nay Bửu đình hiu quạnh lụy nhìn
Thương Đạo mến Thầy xin sớm liệu
Cộng tâm chung trí chớ làm thinh.*

Đến 11 giờ ngày 1.3. Kỷ Tị (1929), Đức Cao Thượng Phẩm đăng Tiên

****Chú thích: Nguyễn Phát Trước tự Tư Mất mà các tay giang hồ thời bấy giờ quen gọi là anh Tư Đại Ca. Khi ông được tin nhà ông Đốc học Đoàn Văn Bản có đàn cơ thỉnh tiên ông đến xem thực giả. Chính Đàn Cầu Kho này đã thân nhận ông là môn đệ của Đức Cao Đài (1926). Tính khí ông ngang tàng, là trùm du đảng vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, chính quyền Pháp cũng nể vì ông. Sau khi theo đạo, ông lập Thánh Thất tại nhà ông, trên lầu thờ Thầy, dưới dùng làm nhà ở và tiếp khách. Đạo hữu đến cúng kiến tại Thánh Thất của ông rất đông. Sau khi khai đạo ở Gò Kén (15-10-Bình Dền) Ông được ân phong Lễ sanh Mất Mục Thanh (phái Thái). Ông vâng lệnh Ngài Thượng Đầy Sư lập Thánh Thất Trước Lý Minh Đài. Sau này, quyển "Đại Thừa Chơn Giáo" ra đời tại đây (1936). Nghe tin đồn Ngài Cao Quỳnh Cư lạm dụng, ông vốn nóng nảy bỗng bật vội về Tây Ninh bạo hành. Hậu quả là sau đó không lâu, ông chết thê thảm. Lúc bấy giờ ở Chợ Lớn các nhà sang trọng dùng đèn Manchon treo giữa nhà nhưng cái bơm hơi chuyên xuống đất, ông lại nằm gần cái bơm hơi này, quẩn chần. Không rõ vì lẽ nào, cái bơm phát nổ, đèn phụt cháy, ông bị phỏng nặng chết (1929).*

Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt tình nguyện ở Tòa Thánh chịu đựng vì nghĩ rằng Nguyễn Phát Trước không dám bất nghĩa với Ngài. Có lẽ vì từ 1916, khi còn làm Nghị viên Hội Đồng, Ngài đã chỉ đạo cho Nguyễn Phát Trước lập hội kín để phá Khâm lớn Sài Gòn, giải phóng các tù chính trị. (Tạp chí Xưa & nay, số 260, tháng 5-2006).

Trước đó, vào năm 1927, Đức Phạm Hộ Pháp cùng với Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, vâng lệnh Đức Phật Mẫu, đến làng Phú Mỹ, quận Châu Thành (Mỹ Tho) tìm

mua đất lập nên một trang trại và một Thánh Thất. Thánh Thất PHÚ MỸ lúc đó giao cho Giáo Hữu Thượng Minh Thanh làm chủ.

Trong cơn khảo đảo năm 1928, Đức Hộ Pháp phải đến Thánh Thất Thủ Đức tạm ngụ. Trong thời gian ở đây Ngài làm thầy thuốc trị bệnh rất mát tay. Ông Giáo Hữu Minh thấy Đức Ngài trị bệnh hay quá mới chở một người cháu kêu ông bằng chú, bị đau tê bại trong 2 năm đi không được, từ Phú Mỹ, Mỹ Tho lên Thủ Đức cho Ngài trị. Đức Ngài truyền điện thể nào mà bệnh nhân tự nhiên cử động, đi tới đi tới đi lui được, rồi lần hồi đi bình thường. Đó là ông Đinh Công Trứ. Đức Lý còn dạy Đức Hộ Pháp cứu Trứ sau này sẽ hữu dụng. Thật vậy, Ông Trứ sau này làm Giám Đốc Trường Qui Thiện.

Đức Hộ Pháp sai ông Giáo Hữu Minh xuống ông Ca ở Mỹ Tho để xin phép lập đàn ở Phú Mỹ vì ông Ca là cựu Đốc Phủ nên xin phép dễ dàng hơn. Ông Ca không nhận mà còn trách : "*Mỹ Tho là Thánh Thất lớn, Phú Mỹ là Thánh Thất nhỏ, Đức Hộ Pháp xuống Mỹ Tho sao không đến Thánh Thất Mỹ Tho, bộ Mỹ Tho không có chỗ cho Ngài thuyết pháp hay sao mà lại đến Phú Mỹ, rồi nhờ đi xin phép?*". Ông Minh ra về và trình lại với Đức Ngài. Đức Ngài buồn lắm, nhưng chẳng biết nói sao. Đêm hôm đó, Ngài suy nghĩ, trần trọc không ngủ được, trong lúc mơ màng nửa thức, nửa ngủ Đức Ngài thấy Đức Phật Mẫu cho ba chữ bằng chữ Nho; Đức Ngài lại nghe nói KHỔ HIỀN TRANG. Ngài giật mình liền viết lại ba chữ Nho ấy. Sáng ngày, Đức Ngài đem ba chữ Nho đã viết hỏi mấy vị Thầy Nho là chữ gì. Mấy vị ấy nói là ba chữ "KHỔ HIỀN TRANG ". Đức Ngài nhớ lại hồi đêm hôm cũng nghe Đức Phật Mẫu nói bên tai là KHỔ HIỀN TRANG. Vậy là đúng rồi. Mừng quá, Ngài thuật lại chuyện đêm hôm và nói ba chữ Nho đó là của Phật Mẫu đã cho đó. Vậy thì viết ba chữ này vào tấm bảng lớn, rồi treo ngay trước cổng Thánh Thất để cho mọi người biết Thánh Thất Phú Mỹ giờ đây có tên là Thánh Thất KHỔ HIỀN TRANG. Đức Lý Giáo Tông dạy như sau:

KHỔ *thà cam chịu chớ dưng than*

HIỀN *hảo cùng nhau mới vẹn toàn.*

TRANG *điểm ngọc lành cho đáng giá,*

Giời *mài chí thiện Thượng Minh Thanh.*

Năm 1928, Đức Phật Mẫu còn dạy các vị nơi đây đikhẩn một lô đất hoang tại làng Phú Mỹ rộng chừng 60 mẫu và khai một con kinh, tại đây dựng lên một ngôi Thảo Đường.

Đức Phật Mẫu cho bài thi kỷ niệm:

THẢO ĐƯỜNG phước địa ngộ tùng hoa,

Lục ức dư niên vũ trụ hòa.

Cộng hưởng phạm gian an lạc nghiệp,

Thế đấng Bồng Đảo định âu ca.

***Chú thích:

-Thảo Đường, tức là cái am, cái động để tu niệm. Thảo Đường cất trên thửa ruộng thuộc Đồng Tháp Mười trên rạch Láng Cát. Thảo Đường cũng là tên một chùa Phật, một dòng thiền từ đời Lý Thánh Tông (1054-1072).

-Lục ức dư niên: hơn 60.000 năm

II. ĐƯỜNG ĐI ĐẾN KHỔ HIỀN TRANG

KHỔ HIỀN TRANG thuộc xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Theo quốc lộ 1A xe chạy xuống Long An; khi đến ngã ba Phú Mỹ (độ 55 km) thì quẹo mặt vào tỉnh lộ 866. Cứ chạy thẳng độ 20 km qua khỏi hai cổng chào xã TÂN HỘI ĐÔNG, TÂN HÒA THÀNH. Khi thấy cây cầu PHÚ MỸ lớn trước mặt và bên trái có bảng “đường đê 19 tháng 5” thì quẹo trái. Đường nhỏ, xe 4 hoặc 7 chỗ vào lọt. Chạy tiếp độ gần 1km gặp một cầu nhỏ sẽ thấy có 2 ngã, quẹo mặt sẽ gặp mặt tiền Thánh Thất, còn quẹo trái sẽ đến cửa sau. Phía trước (Mặt tiền) của Thánh thất có một con kênh chạy dài, tên là kênh Nguyễn văn Tiếp; chạy song song với con kênh ở phía bên kia là Tỉnh lộ 865. Cầu Phú Mỹ bắt ngang kênh Nguyễn văn Tiếp, qua khỏi cầu quẹo trái là tỉnh lộ 865.

Dưới thời Pháp đô hộ, đường xá và phương tiện giao thông không thuận lợi, thế mà các bậc tiền bối đã khắc phục bao nhiêu khó khăn, lặn lội vào vùng ruộng rẫy heo hút để xây dựng một Thánh Thất đẹp như thế, chúng ta thật cảm phục vô cùng.



Cổng sau của Khổ Hiền Trang



Mặt tiền Thánh Thất Khổ Hiền Trang xưa



Mặt tiền Điện thờ Phật Mẫu xưa

TIẾT 2. TRUYỀN KỲ LONG TUYỀN KIẾM

I. LONG TUYỀN KIẾM

Nơi Thảo Đường này, Bát Nương báo cho Đức Phạm Hộ Pháp biết người Tàu có trù ếm bằng Long Tuyền Kiếm không cho Việt Nam sản sinh nhân tài. Nguyên ở sâu dưới đất 300 thước, có một mạch nước ngầm chạy từ núi Bà Đen xuống tới làng Phú Mỹ, trở lên tại Láng Cát ở Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho. Cho nên Láng Cát là một linh huyết, và vùng Phú Mỹ sẽ sản sinh nhiều hơn tài cho nước Việt Nam. Các nhà chiêm tinh và phong thủy Tàu biết được điều đó, nên sai người đem Long Tuyền Kiếm sang ếm ngay linh huyết ấy, để

khi có nhơn tài xuất hiện thì kiếm đó giết chết lúc còn trẻ, để nước Việt Nam không còn người tài giỏi chống lại người Tàu. Nhưng nghiệp quả của nước Việt Nam đã hết, Bát Nương Diêu Trì Cung giáng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp đi lấy cái ếm Long Tuyền Kiếm. Vì phải lo đám tang của Đức Cao Thượng Phẩm, mãi tới ngày đến ngày 28-3-Kỷ Tị (1929), Đức Ngài mới trở lại Thánh Thất Khố Hiền Trang (Mỹ Tho).

Giáo hữu THƯỢNG MINH THANH, cai quản Thánh Thất Khố Hiền Trang mời toàn cả bốn đạo các làng Tân Hòa Thành, Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh Mỹ và Phú Mỹ Đến dự họp dưới quyền chủ tọa của Phạm Hộ Pháp. Trong tinh thần tự nguyện, một phái đoàn đi tìm Long Tuyền Kiếm được thành lập gồm 36 vị chia làm ba toán. Mọi người vào làm lễ Đức Chí Tôn và cầu nguyện cho kết quả tìm kiếm được tốt đẹp. Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn phải thực hiện cho kỳ được luật công bằng, bác ái nên bất chấp mọi hiểm nguy dưới chế độ nô lệ Pháp thuộc, đã hoàn thành sứ mệnh hóa giải phép trấn ếm này.

Đức Phạm Hộ Pháp được chỉ dẫn nơi ếm Long Tuyền Kiếm về phía Tây Nam. Phải đi theo rạch chợ Thầy Yến vô Láng Cát, Tràm Sập độ chừng 5 cây số mới đến. Khi đến địa điểm, đậu ghe lên bờ, đi bộ chừng 700 thước, thấy cánh đồng nước phèn mọc toàn năng và bàng. Đất chưa trồng lúa được, nên dân cư sống bằng nghề làm đồ gốm, lu, hủ, chén... Đức Ngài và các tín hữu Minh Thiện Đoàn dừng lại trên một khoảng đất vàng, gò cao và rộng độ chừng 700 thước vuông. Đức Ngài được Lỗ Ban sư trưởng chỉ vào ngang chót núi Lan sâu xuống chừng hơn một thước thì dừng đá. Việc đào thật vất vả. Đồng thì rộng mà mỗi người chỉ có một cái cuốc, dàn hàng ngang mà đào. Tưởng chừng như khó tìm thấy; bỗng nhiên trực giác giúp suy luận thành công. Thông thường mồ mả ở vùng này đều có nắm ở trên, nhưng đặc biệt có một cái mả không có nắm. Sau khi hội ý với nhau, Đức Ngài cho đào cái mả đó. Đào xuống được 1 thước 3 tấc thì gặp một phiến đá lớn, khiêng miếng đá ấy lên rồi tiếp tục đào xuống nữa, đào thêm 3 tấc thì gặp một phiến đá lớn nữa Trên miếng đá này có:

- một hình nhân bằng đồng đen cao 1 tấc 8 (ông Nghè)
- 1 lưỡi dao gãy cán đặt trên 6 con cờ tướng bằng ngà gồm 1 con Tướng, 2 con Sĩ, 2 con Xe, 1 con chốt,
- 6 đồng tiền kẽm đời vua Minh Mạng.

Khiêng khối đá ấy lên thì gặp một cái hộp bọc chì dài 9 tấc, ngang 3 tấc, dày 1 tấc 8. Đó là hộp đựng kiếm và bên trong có một đạo linh phù. Đức Ngài cho biết trong đó là Long Tuyền Kiếm, nhưng cấm không cho coi và gói kín lại.

Vừa lấy hộp Long Tuyền Kiếm lên khỏi chỗ ấy thì ở dưới có một mạch nước phun thẳng lên. Đó là long mạch. Đức Hộ Pháp hành pháp giải khai long mạch và chỉ cho các tín đồ trong đoàn thấy đây là long mạch rất quan trọng, giúp cho dân chúng xung quanh làng có đủ nước dùng. Đức Ngài cho đào con kinh từ Trảng Sập băng ngang chót lưỡi Long Tuyền Kiếm cho bút. Đó là phép phản ếm trừ tuyệt việc sát nhân tài. Đúng 1 giờ chiều cùng ngày đó về dùng cơm tại nhà ông Lê Văn Trung và về đến Khổ Hiền Trang là 4 giờ.

Vào thời điểm 1929 mà Đức Hộ Pháp thân nhiên tuyên bố:

Ngày kỷ niệm giống Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai mở, sẽ gỡ nạn ách neron loại và dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp. Dân tộc xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích, giải ách nô lệ chẳng còn lệ thuộc với sắc dân nào nữa. Nếu chậm trễ là do dân tộc Việt Nam không tôn thờ chủ nghĩa của Đức Chí Tôn, không đủ yêu mến nhau, cứ tranh giành phúc lộc mãi....

Lời tuyên bố này thể hiện lòng yêu nước nồng nàn hiếm có, lòng tự hào dân tộc cao độ và là điều khích lệ lớn lao cho dân chúng đứng lên giành độc lập trong tay thực dân Pháp.

II. SỰ TÍCH LONG TUYỀN KIẾM

Long: Rồng, mạch nước, chỉ vua. **Tuyền:** suối. **Kiểm:** cây kiếm.

Long Tuyền Kiếm là một thanh kiếm rất quý báu của thời xưa, tương truyền rất bén, chém sắt như chém bùn. Lai lịch của thanh kiếm ấy như sau:

Theo sách Thông Chí: Lúc nhà Tấn chưa diệt được nước Ngô, có quan Thiếu Phó Trương Hoa biết xem Thiên văn, thường thấy giữa sao Đẩu và sao Ngưu có luồng khí màu đỏ tía. Các đạo gia đều nói đó là điềm báo nước Ngô đang buổi cường thịnh, chưa đánh được. Riêng Trương Hoa thì cho lời nói ấy không đúng, nhưng cũng không cãi, cứ làm thỉnh để

ý. Đến khi nước Tấn đánh lấy nước Ngô rồi, ông thấy luồng khí ấy lại có vẻ mạnh và sáng hơn trước. Trương Hoa đem việc này hỏi Lôi Hoán, một ông quan rất giỏi về Thiên văn thuật số. Lôi Hoán cùng Trương Hoa lên lầu cao quan sát một hồi lâu. Lôi Hoán nói:

- Chỉ giữa hai sao Đẩu và Ngưu mới có luồng khí lạ đó, ấy là cái tinh của bảo kiếm ở Phong Thành xông lên đấy.

Trương Hoa nói:- Quả vậy, nay tôi muốn phiền anh ra làm quan lệnh ở đất ấy rồi ra công tìm kiếm gươm báu.

Lôi Hoán nhận lời. Trương Hoa vận động cho Lôi Hoán đến Phong Thành làm quan lệnh, ban đêm quan sát thấy luồng khí sáng đó phát ra từ nền nhà ngục, nên cho đào xuống, tìm thấy một cái hòm bằng đá màu nâu nằm sâu dưới lòng đất hơn bốn trượng. Mở ra, khí sáng lóe lên, bên trong có hai thanh bảo kiếm: một thanh khắc chữ Long Tuyền, một thanh khắc chữ Thái A nơi cán kiếm. Đêm hôm ấy, luồng khí sáng không còn hiện ra ở giữa sao Đẩu và sao Ngưu nữa.

Long Tuyền và Thái A là một cặp Âm Dương kiếm, Long Tuyền là cây gươm trống và Thái A là cây gươm mái. Lôi Hoán giữ cây Long Tuyền Kiếm, luôn luôn đeo bên mình, còn cây Thái A Kiếm thì Lôi Hoán dâng lên vua Tấn.

TIẾT 3 : KHỔ HIỀN TRANG HIỆN NAY

I. THÁNH THẮT PHÚ MỸ HIỆN NAY

Thánh Thất mới cất theo mẫu số 5; bên mặt là Thánh Thất cũ tuy nhỏ nhưng trông khá chắc chắn, cổng có khắc chữ KHỔ HIỀN TRANG; còn bên trái là Điện thờ Phật Mẫu cũ có nguy cơ sập đổ. Thánh Thất cũ trông rất đẹp, cổ kính, hai bên có hình Thiên Nhân (12 khuôn hình). Thánh Thất mới cất trên nền đắp cao hơn Thánh thất cũ gần 1mét. Hình Thiên Nhân từ Thánh Thất cũ được đem qua Thánh Thất mới để thờ. Đây là mẫu Thiên Nhân lý tượng, rất có Thần, ngự trên nền mây xanh, không có hình các Đấng trong ngũ

chi Đại Đạo. Đây là Thánh Thất duy nhất có đắp hình Thiên Nhân theo hai bên hông tường vì được Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần.

Phía sau Thánh Thất có một tòa nhà khá lớn, một tầng, có ghi chữ THIÊN PHONG ĐƯỜNG.

II. Ý NGHĨA THỜ THIÊN NHÂN

A. Đức Chí-Tôn mở đạo Cao Đài để cứu nhân loại, đem đến xã hội đại đồng:

“Nhon-loại đang bị thống khổ và sẽ lặn vào cảnh tang-thương vì tinh thần ly-tán nên Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ xuất hiện đặng phục-hưng Khổng-giáo, áp dụng Nho Tông làm khuôn luật tổ-chức xã-hội cho tận-thiện, tận-mỹ. Các dân tộc sẽ đối đãi nhau như anh em một Cha, ở chung một nhà, cộng hưởng Đại-Đồng hạnh-phúc. Đó là về mặt xã-hội, còn mặt Đạo là mặt tinh-thần thì Đại-Đạo giữ-gìn tinh-ba giáo-lý nhà Thiền và Lão giáo đặng độ tận linh-hồn về Thượng-giới. ĐẠI-ĐẠO tiên khởi lập thành tại nước Việt-Nam, nhiên hậu sẽ hoằng khai các miền Đông-Á, qui hợp cả Huỳnh-chủng làm đà sang Bạch-chủng Âu châu dìu-dẫn khắp thiên-hạ trên con đường Cộng-Đồng”.

Biểu tượng của nền Tân Tôn-giáo Cao-Đài này là Thờ Trời bằng THÁNH TƯỢNG THIÊN NHÂN. Biểu tượng này tượng trưng cho Thượng Đế toàn năng, Người thấu rõ tất cả những hành vi và tư tưởng của con người. Biểu tượng này tìm thấy ở cả các nền văn minh phương Tây lẫn phương Đông. Đức Chí-Tôn phải chính mình Ngài đến để độ rỗi con cái của Ngài, không những độ toàn cả thế giới về hữu hình mà thôi, Ngài còn tận độ các vong linh nữa, nhưng làm sao để nhân loại nhận ra hình ảnh một người CHA của nhân loại? Ngài lấy biểu tượng là **“Con Mắt Trời”** tượng trưng cho nền Đạo mới này. **“Con Mắt Trời”** có nghĩa là Ngài thấy tất cả, nghe tất cả, ghi chép tất cả *“Dieu voit tout, Dieu entend tout, Dieu écrit tout”* như người Tây phương đã quan niệm về Đức Chúa Trời vậy.

Thờ Thánh Tượng Thiên-Nhân với Con Mắt mở ra để chúng ta luôn nhớ rằng, bất cứ ta làm điều gì, Trời đều thấy rõ, không thể dấu diếm, cũng không điều gì ta có thể cãi chối được. Đức Chí Tôn dạy:

“Tại sao Thầy lại biểu các con tạo hình Thiên Nhân mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các Tôn giáo khác? Thầy vốn là Hư vô chi khí, không giống cái chi hết. Các con chớ tạo hình Thầy mà thờ. Trời là LÝ, thì LÝ ấy rất thông-linh bao quát

Càn Khôn Thế Giới. Thầy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con. Nên chi, thờ Thiên Nhân là thờ Thầy”.

Chủ-nghĩa và Giáo-lý của Đạo Cao-Đài là ĐẠI ĐỒNG: Qui Nguyên Tam-Giáo Phục Nhứt Ngũ Chi, chọn lọc tinh túy của các Tôn-giáo đã ra đời từ trước đến giờ gom về một mối trở lại nguồn gốc. Đó là thờ Đấng Chúa-tể Càn-Khôn vũ-trụ, là Đấng Cha lành đã hóa sanh muôn loài vạn-vật. Tín đồ Cao-Đài tôn-kính tất cả các vị Giáo-chủ đã lãnh lĩnh Đức Thượng Đế giảng trần dạy Đạo. Chủ-nghĩa của Cao-Đài là ĐẠI-ĐỒNG, đi từ đại đồng nhân-chúng, đại đồng Tôn-giáo đến đại đồng xã hội. Như Đức Chí-Tôn đã hứa “*Que l’humanité soit une: une comme race, une comme religion, une comme pensée*”.

Thời xưa, các vị Giáo chủ giảng trần lập Đạo mang hình hài xác thịt: nếu phương Tây thì lấy hình thể người Âu, phương Đông thì lấy hình thể người Á để gây chia rẽ... Ngươn hội này Đức Chí-Tôn giảng Cơ khai Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ dạy thờ Thiên Nhân tất nhiên Ngài muốn con cái của Ngài cộng yêu hoà ái, hiệp tâm với nhau để đi đến chỗ Đại Đồng Thế giới.

Còn một điều mầu nhiệm nữa là từ khi các tôn giáo chính bị đời sau sửa đổi giáo lý của các giáo chủ giảng dạy nên thất chơn truyền, tu vẫn hữu công mà không đắc quả. Nhiều người có công luyện Đạo, chỉ biết luyện Tinh hóa Khí mà thôi. “*Vì Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm*”, mà Thần thì cư tại Nhân, cho nên thờ Thiên Nhân là đem Thần hiệp cùng Tinh - Khí cho đủ Tam Bửu là cơ mầu nhiệm “*siêu Phàm nhập Thánh*”.

B. Hình Thiên Nhân của Thánh thất Khố Hiền Trang giống của Thông Thiên Đài

Thiên Nhân đặt bên trong Thông Thiên Đài, TÒA THÁNH TÂY NINH. Đây là nơi Giáo Tông đến để cầu hỏi thiêng liêng, thông công cùng các Đấng vô hình để học hỏi về đạo pháp.



Bàn thờ Thánh Tượng Thầy bên trong Thông Thiên Đài

Từ trong Thiên Nhân toả ra 16 tia hào quang sáng chói:

- **Tính từ đường thẳng ngang đếm lên là 9 tia, tượng trưng 9 tầng Trời, gọi là Cửu Thiên Khai hoá.**
- **Phía dưới có 7 tia tượng trưng Thất tình, mà người nào trên trái đất này cũng có. Nếu không biết tu tâm dưỡng tánh để cho Thất tình dấy loạn thì con người sẽ bị lôi cuốn bởi dục vọng nơi cõi trần, phải chịu trong vòng luân hồi sanh tử.**

Xưa, đức Phật Thích ca dạy Tứ diệu đế để giúp thoát khổ. Nay Đức Chí-Tôn mở Đạo là dạy người tu biến Thất tình thành Thất bửu, hầu được siêu phàm nhập Thánh tránh khỏi đọa luân hồi chuyển kiếp. Từ trước các Tôn giáo dạy diệt thất tình, nhưng Đạo Cao-Đài chủ trương chỉ cần chế ngự được thất tình. Nếu được vậy, con người sẽ làm chủ cái Tâm và nương theo Cửu Thiên Khai Hoá mà tu hành, linh hồn hiệp Một cùng với với Thượng Đế.

***CHÚ THÍCH:

1. *Thất tình ở đây là tình cảm, là sự phản ứng tâm lý khi sáu giác quan tiếp xúc với sáu đối tượng bên ngoài. Thất tình là bảy sự hoạt động, phản ứng tâm lý khác nhau*

**ở góc độ tính chất, hình thức mang tính phổ biến ở nơi con người. Đó là : HỈ, NỘ, ÁI, Ỗ,
AI, LẠC, DỤC (mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, muốn)**

2. Lời dạy của Ngọc Chánh Phối Sư về vẽ Thiên Nhân

Cửu Trùng Đài
Ngọc Chánh Phối Sư
Số:68-NCPS/VT

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Tứ Thập Lục Niên)
Tòa-Thánh- Tây-Ninh

NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ

Gởi cho Hiền Hữu Đầu Phòng-văn Võ Văn Tịnh.

- *Chiếu vi bằng số: 03/VB/BT phiên hợp bất thường Hội Thánh Cửu-Trùng-Đài Nam- Nữ tại Hậu Điện Đền Thánh ngày 14 tháng 4 năm Tân-Hợi (dl: 8-5-1971) nơi khoản 1 phần nghị sự phái Ngọc toàn Hội chấp thuận kiểu mẫu **Thánh Tượng Thiên Nhân thờ nơi Thánh Thất** địa phương do Hiền Hữu vẽ.*

*Chọn màu phải vẽ y như Thiên Nhân trên Quả Càn Khôn Đền Thánh, màu hồng lợt lại một chút và **hào quang hiện ra phải trên 9 tia, dưới 7 tia.***

Vậy Hiền Hữu hãy vẽ lại cho châu báu và vẽ trước 100 bức để trấn thần chung một lần. Thi hành xong đệ trình lên Hội Thánh, để trả lại tiền tổn phí.

Nay Kính.

Tòa Thánh, ngày 21 tháng 4 năm Tân Hợi (dl:15/5/1971)

NGỌC CHÁNH PHỐI SƯ

(Ấn Ký)

NGỌC NHƯỢNG THANH



Mặt tiền Thánh Thất Khổ Hiền Trang mới, kế bên là Điện thờ Phật mẫu cũ



Thánh thất Khổ Hiền Trang xưa và nay



Thiên nhãn từ Thánh thất cũ được đem qua thờ ở Thánh thất mới



Thiên nhãn bên hông tường của Thánh thất cũ

PHẦN HAI

CÓ NÊN ĐẬP BỎ DI TÍCH LỊCH SỬ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

TIẾT 1: LIÊN HỆ GIỮA DÒNG THIỀN THẢO ĐƯỜNG & THIỀN PHÁI TRÚC LÂM

THẢO ĐƯỜNG phước địa ngộ tùng hoa,

Lục ức dư niên vũ trụ hòa.

Cộng hưởng phạm gian an lạc nghiệp,

Thế đặng Bồng Đảo định âu ca.

Chúng ta hiểu Thảo Đường là ngôi nhà tranh để người hiền đến tu tập nhưng Thảo Đường còn là tên của dòng thiền nổi tiếng ở Việt nam từ thế kỷ 10.

1. Dòng Thiền Thảo Đường

Vua Lý Thánh Tông (1023 - 1072): Là con trưởng của vua Lý Thái Tông, sinh ngày 25 tháng 2, năm Quý Hợi (1023); mất vào tháng giêng năm Nhâm Tý (1072).

Trong tập Thơ Văn Lý Trần, nhà xuất bản KHXH-Hà Nội, 1977, ghi:

" Là một ông vua anh minh và nhân từ, ông đã có chủ trương sáng suốt như khoan giảm hình luật, coi trọng nghề nông, mở mang việc học, chú ý củng cố và tăng cường phòng thủ đất nước mặt Bắc cũng như mặt Nam, góp phần làm cho xã hội phong kiến triều Lý tiến nhanh đến giai đoạn cực thịnh. Ông là người đầu tiên cho xây dựng văn miếu và mở khoa thi bác học. Sau này Lý Nhân Tông kế thừa và phát triển những thành tích văn hóa đó."

Vua rất thương yêu dân. Vào lúc "tiết hàn", vua dặn các cai ngục rằng: "Ta yêu con ta cũng như những bậc cha mẹ yêu con cái họ. Trăm họ không biết gì nên tự phạm vào hình luật, lòng ta rất xót thương! Cho nên từ nay không cứ tội nặng hay nhẹ, đều nhất luật khoan giảm."

Về quốc phòng, dưới triều Thánh Tông, nước ta lập nên các chiến công hiển hách: Bắc thắng Tống, Nam bình Chiêm, giữ an bờ cõi. Bấy giờ có các đại công thần tài giỏi, trung

chính như Phật tử Lý Đạo Thành, Phật tử Lý Thường Kiệt, Lý Thường Hiến và Phật tử Ý Lan Thái phi giúp vua lo việc nước, việc dân.

Thảo Đường là một thiền sư Trung Hoa, thuộc dòng thiền Vân Môn (một trong năm nhánh thiền phát xuất từ Lục Tổ Huệ Năng). Sư qua truyền pháp ở Chiêm Thành nhằm lúc Lý Thánh Tông phạt Chiêm. Sư bị bắt và bị dẫn theo đoàn tù binh về Việt Nam. Qua trao đổi, vua Lý Thánh Tông thấy thiền sư Thảo Đường là người có đức hạnh, lại tinh thông Phật điển, bèn bái làm thầy. Chính vì thế, nhà vua đã quyết định phong Thảo Đường làm Quốc sư vào 1069. Đồng thời, **nhà vua mời thiền sư đến trụ trì tại chùa Khai Quốc, chính là chùa Trấn Quốc ngày nay tại kinh thành Thăng Long.**

Bởi thiền học của Quốc sư có những nét mới lạ so với hai thiền phái đương thời là Tỳ ni đa lưu chi và Vô Ngôn Thông nên thiền sư xin phép lập thêm một phái thiền nữa. Lời thỉnh cầu của nhà sư được nhà vua chấp nhận. Từ đó, một thiền phái nữa được thành lập, mở ra dòng thiền Thảo Đường. Nhà vua kính trọng thờ Thảo Đường làm thầy, lập nên **thiền phái Thảo Đường đậm màu sắc dân tộc Việt, Thánh Tông là Tổ thiền sư thứ hai của dòng thiền này.** Về tư tưởng, tính nhập thế của Đạo Phật qua dòng thiền Thảo Đường được thể hiện rất rõ nét.

Không phải ngẫu nhiên mà Thiền phái Thảo Đường đời Lý đã xây dựng chùa Một Cột (bên cạnh chùa Diên Hựu) với mái chùa cong vút, chạm hoa sen nghìn cánh, trong đó lại thờ đức Quán Thế Âm. Việc này được vua Lý Thánh Tông cho xây dựng trên cơ sở giấc mộng của bà mẹ là Hoàng hậu Mai Thị. Nói bản sắc dân tộc của Phật giáo thời Lý – Trần không thể không xét đến hai dòng Thiền riêng của Đại Việt là *Thảo Đường* và *Trúc Lâm Yên Tử*.

2. Thiền phái Trúc Lâm

Thiền phái Trúc Lâm là một dòng thiền Việt Nam đời [nhà Trần](#), do vua [Trần Nhân Tông](#) sáng lập. Trúc Lâm vốn là hiệu của [Trần Nhân Tông](#), đồng thời cũng là hiệu của Thiền sư [Đạo Viên](#), tiền bối của Trần Nhân Tông.

Thiền phái Trúc Lâm được xem là tiếp nối và là sự hợp nhất của ba dòng thiền Việt Nam của thế [kì thứ 12](#) – đó là dòng [Thảo Đường](#), [Vô Ngôn Thông](#) và [Tì-ni-đa-lưu-chi \(Vinitaruci\)](#).

Với việc lập ra phái Trúc Lâm, [Trần Nhân Tông](#) đã thống nhất các Thiền phái tồn tại trước đó và toàn bộ giáo hội Phật giáo đời Trần về một mối.

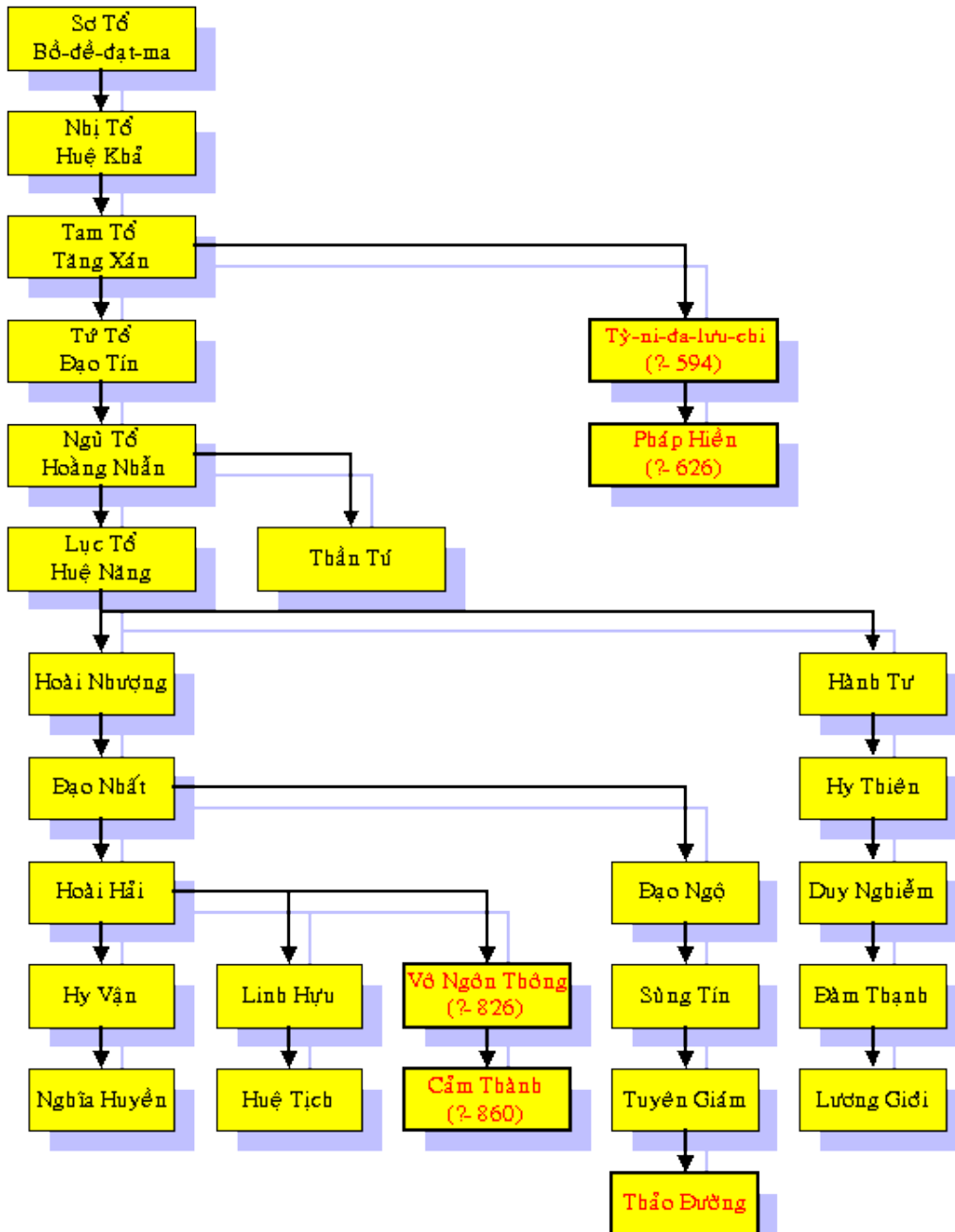
Tư tưởng của dòng Thiền Thảo Đường là sự kết hợp giữa Nho và Phật, giữa Thiền tông và Tịnh Độ tông. Thiền quán là con đường tự lực, đốn ngộ, phù hợp với trí thức, căn cơ phát triển; còn tụng kinh niệm Phật là con đường tha lực, phù hợp với người bình dân, ít căn cơ. Vì thế mà Lý Thánh Tông cùng các triều thần cố gắng vun đắp cho dòng Thiền này. Như thế, so với Thiền nguyên thủy và Thiền Việt Nam trước đó thì dòng Thiền Thảo Đường có khác, nội dung phần nào phù hợp với yêu cầu của dân tộc bấy giờ.

Nối tiếp việc làm của vua nhà Lý, các vua nhà Trần cũng vì yêu cầu của thời đại nên đã xây dựng một ý thức hệ độc lập. Họ Trần buộc phải lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu nhưng cũng cần thay đổi chút ít nội dung cho phù hợp và đạt những mục đích mà xã hội yêu cầu.

Thiền sư phái Trúc Lâm đều đứng vững trước cái chết, xem cuộc đời là vô thường. Chết chỉ là một chặng đường khác. Như vậy, Thiền phái Trúc Lâm tiếp thu quan niệm nhân sinh của Đại thừa Phật giáo. Họ chấp nhận cuộc sống, cái chết mà không luyến tiếc. Các vị quan niệm không có gì sinh ra hay mất đi nên làm gì có việc đi và đến. Đó là quan niệm “*thân ảo ảnh chẳng khác phù vân*”, “*Pháp thân thường trú, phổ mãn thái hư*” của đệ nhất tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông. Các vị cho rằng cái thân đang tồn tại là do dục. Diệt được dục tức thoát khỏi sinh tử.

700 năm sau ngày Sơ tổ Trúc Lâm nhập niết bàn, dòng thiền ấy đang thăng hoa trở lại một cách mạnh mẽ bởi cách tu tập và triết lý vẫn mang đậm tính thời đại: Tu thiền chính là trở lại với tâm mình, đem tâm mình trở về từng giờ từng phút, sống với nội tâm thanh tịnh.

PHÁI THIÊN THẢO ĐƯỜNG



Lấy tâm của dân làm tâm của mình

Trúc Lâm Yên Tử là một phái Phật giáo nhập thế, gắn bó mật thiết tới đời sống chính trị, xã hội của dân tộc. Là vị hoàng đế xuất gia, là tổ thứ sáu của thiền phái Yên Tử và là sơ tổ dòng thiền Trúc Lâm, ngài chủ trương thống nhất các thiền phái Phật giáo tại Việt Nam mang nét đặc thù Việt Nam, tích cực dẫn thân vào xã hội, xây dựng hưng vượng xứ sở bằng từ bi, trí tuệ và đạo đức. Đó là sự kết hợp giữa triết học siêu nhiên của Phật giáo với nhân sinh quan của Nho giáo và vũ trụ quan của Lão giáo.

“Ở đời vui đạo tùy duyên

Hễ đói thì ăn mệt nghỉ liền

Trong nhà có ngọc thôi tìm kiếm

Đối cảnh TÂM KHÔNG chớ hỏi THIỀN.”

Đây chính là 4 câu kệ huyền diệu, mang lý tưởng cốt lõi của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đó là việc tu hành không quá câu nệ vào các nghi thức quá rườm rà của việc hành đạo, không trọng lối tu luyện pháp thuật, trừ tà ma... mà coi trọng việc tu tâm, hợp nhất con người với thiên nhiên. Thiền viện Trúc Lâm đang được tiếp tục xây dựng, tôn tạo để ngày càng khang trang sạch đẹp, phát huy tinh thần của Thiền phái Trúc Lâm và là địa điểm tham quan, tìm hiểu hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

3. Thảo Đường - dòng thiền phổ độ

Năm 1928, Đức Phật Mẫu giáng cơ dạy khai khẩn đất hoang độ 60 mẫu tây tại làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho để đào một con kinh, xây đền Phật Mẫu và một ngôi Thảo Đường. Đức Phật Mẫu cho một bài thi:

Thảo Đường phước địa nọ tùng hoa,

Lục ức dư niên vũ trụ hoà.

Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp

Thế đặng bằng đảo định âu ca.

Dịch nghĩa:

Câu 1. Ngôi nhà tranh nơi đất phước, người quân tử gặp thời.

Câu 2. Hơn 60.000 năm vũ trụ hoà bình.

Câu 3. Người đời cùng hưởng cảnh an cư lạc nghiệp.

Câu 4. Thời thái bình được sống như lên đến cõi Tiên.

Sau đó, Đức Lý cho đôi liễn:

THÁO thượng sương phi tiện thị Thiên ba chi thắng cảnh,

ĐƯỜNG tiền nguyệt chiếu thậm quang Địa thời thị đẳng Tiên.

Dịch nghĩa:

Trên cỏ sương bay như sóng trời, cảnh tuyệt đẹp.

Trước nhà trăng soi thật sáng thế gian như lên Tiên.

Đức Lý còn cho thi:

KHỔ là cam chịu chớ đừng than,

HIÊN hảo cùng nhau mới vẹn toàn.

TRANG điểm ngọc lành cho đáng giá.

Giời mài chí thiện Thượng Minh Thanh

Không chỉ dạy riêng cho Giáo hữu Thượng Minh Thanh, mà đó là lời dạy cho tất cả những người thật sự muốn tìm Đạo. Đó là:

- Hiểu luật nhân quả thì cam chịu khổ để trả hết quả, chớ đừng than trách.
- Hiểu Luật Thương yêu của Đấng Chí Tôn dạy thì không được ganh ghét, hãm hại nhau mà sa vào chước quỷ. Phải hòa hảo cùng nhau mới vào được cõi Thiêng liêng hằng sống.
- Phải tu thân, luyện kỹ trau giồi cho đến chí thiện là cái thiện tốt cùng; thiện từ hành động đến lời nói, tư tưởng.

Các Đấng cũng giảng cơ dạy ông Đinh Công Trứ lập trường Qui Thiện (1928). Tôn chỉ và mục đích của trường Qui Thiện được thể hiện trong câu liễn sau:

QUI lương sanh hành chánh giáo thủ bí pháp chấp trung quán nhưt,

THIỆN cấp cô năng dưỡng lão bảo chơn truyền Đại Đạo Tam Kỳ.

Dịch nghĩa:

Qui tụ người lành, tu hành theo chánh giáo bảo thủ bí pháp, chấp trung quán nhưt,

Làm việc thiện, cấp dưỡng trẻ mồ côi, nuôi người già, bảo thủ chơn truyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tóm lại, Đức Phật Mẫu dạy lập Thảo Đường và lập Khổ Hiền Trang là bước đầu đưa các hành giả vào đường Tịnh Thất. Muốn trọn câu Phổ Độ phải Phước Huệ song tu. Nói một cách khác, Phổ Độ và Tịnh Luyện là cặp song sinh, cặp âm dương trong Dịch lý không thể tách rời. Ai cố ý tách rời là chưa đạt Chơn Pháp của Đức Chí Tôn.

Đức Thích Ca khi thuyết về Kinh Di Lạc đã dạy: **“Tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc GIẢI THOÁT”**. Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ được qui định trong TÂN LUẬT & PHÁP CHÁNH TRUYỀN. Tân Luật lập từ những năm đầu khai đạo đã gồm có ba phần: Đạo luật, Thế luật và Tịnh Thất luật.

Nơi Tịnh Thất, lễ cúng Tứ Thời chỉ đọc các bài kinh: Niệm hương, Khai kinh, Ngọc Hoàng kinh, Phật Mẫu chơn kinh, Dâng Tam Bửu rồi Ngũ nguyện. Đạo vô vi cúng cũng vô vi nên không thắp đèn nhang. Cầu nguyện nơi tâm. Đang làm việc, tới giờ cúng thì định tâm, định trí dâng TÂM KINH. Đức PHẠM HỘ PHÁP có làm bài thơ về người tu tịnh như sau:

NGƯỜI TU HÀNH

Chẳng ham danh lợi, chẳng mê trần,

Thạch động an nhàn thân độ thân.

Biển Bắc mặc dầu cơn sóng bủa

Non Nam chi quân đám mây vờn.

Ngày ăn hai bữa nuôi tinh huyết

Đêm ngủ ba canh dưỡng khí thần.

Quyết đoán công phu thân vận động

Đường Tiên cửa Phật mới mong gần.

Vào đêm 15.5 - Tân Mão (1951), Đức Ngài giảng về bí pháp và thể pháp như sau:

“Thể pháp là cái hình tướng của đạo về hữu hình tức là dạng trạng của Hội Thánh, là hình trạng của Thánh Thể Chí Tôn tại thế.

Bí pháp là quyền năng điều khiển Càn Khôn vũ trụ, tức là quyền năng vô đối của Đức Chí Tôn, Ngài đến cùng con cái của Ngài. Ngài ban một quyền hành tự giải thoát cho mình.

Vì mới mở Tịnh thất nên hình trạng chưa rõ, chừng hoàn thành con cái Chí Tôn sẽ thấy.

Phải để đức tin vững vàng nơi Thánh thể Ngài cho cường liệt, Đức Chí Tôn mới xây chuyển xã hội nhưn quần và tạo hạnh phúc cho xã hội nhưn quần được”.

TIẾT 2: GÌN GIỮ DI TÍCH KHỔ HIỀN TRANG

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hoá của dân tộc, là những chứng tích về cội nguồn của dân tộc Việt Nam, đồng thời có thể xem là kho tàng di sản văn hoá nhân loại. Vì thế, các di tích lịch sử văn hoá là thành tố quan trọng trong “tài nguyên du lịch”. Các di tích đó, cả về mặt nội dung lẫn hình thức, đều có khả năng tạo nên sức hấp dẫn mạnh mẽ. Luật Du lịch đã khẳng định: Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình sáng tạo của con người được sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch. So với các tỉnh, thành phố khác trong toàn quốc, tỉnh Tiền Giang có số lượng di tích lịch sử văn hoá không nhiều.

Các địa điểm du lịch nổi tiếng tại Tiền Giang – Mỹ Tho gồm có:

- Bảo tàng Tiền Giang, **trại rấn Đồng Tâm, Chợ nổi Cái Bè,**
- Cù Lao Thới Sơn với các cồn: Cồn Long, cồn Lân, cồn Quy, cồn Phụng.
- **Chùa Vĩnh Tràng:** xây dựng đầu thế kỷ 19 có đậm nét kiến trúc Á -Âu.
- **Nhà thờ Chánh tòa Mỹ Tho:** Được xây vào năm đầu thế kỷ 20, là công trình kiến trúc mang phong cách Tây Âu
- **Di tích Rạch Gầm – Xoài Mút**

Chúng ta nên thêm Thánh Thất Khổ Hiền Trang vào danh sách du lịch trên.

Các tài nguyên này đang là nhân tố hết sức quan trọng để phát triển du lịch Tiền Giang mà không phải địa phương nào cũng có. Khi hiểu rõ giá trị lịch sử của Khổ Hiền Trang,

với khoảng 5 triệu tín đồ Cao Đài, thêm cả du khách trong và ngoài nước, ai cũng đều muốn viếng thăm, nhìn ngắm công trình kiến trúc của đầu thế kỷ 20; công trình được tạo nên bởi bàn tay và khối óc của người dân bản địa, chất phác, ít học nhưng đức tin vững chắc. Các vị đã vượt qua khó khăn, thiếu thốn, bị chèn ép dưới ách thực dân Pháp để hình thành một Thánh Thất đẹp, cổ kính, đủ bí pháp trong đó.

Đây là mối lợi rất lớn cho ngành du lịch của tỉnh Tiền Giang. **Cũng như Chùa Vĩnh Tràng và Nhà thờ Chánh tòa Mỹ Tho, Thánh Thất Khổ Hiền Trang nhất định không phải là địa điểm nhạy cảm.** Nếu có tranh chấp nội bộ thì đó là việc nhỏ. **Còn gìn giữ, tôn tạo di tích Thánh Thất Khổ Hiền Trang cũ mới là việc lớn vì dẫn tới trái tim của 5 triệu tín đồ Cao Đài.**

Thánh Thất Khổ Hiền Trang và Thảo Đường cũng không phải là địa điểm mê tín vì việc trấn ếm và phá ếm đã biết từ thưở xa xưa. Tin hay không tin là quyền của mỗi người. Chúng ta biết Nhà Thờ Cha Diệp (hay còn gọi là nhà thờ Tắc Sậy) thuộc Giáo phận Cần Thơ, và nằm trên địa bàn của xã Tân Phong, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu – nơi gắn liền với một nhân vật nổi tiếng – cha Trương Bửu Diệp, vị linh mục nổi tiếng vì sự linh thiêng. Nơi đây không chỉ là điểm hành hương của người miền Tây mà còn của dân công giáo ở nhiều vùng miền khác. Theo truyền miệng của người dân kể lại, sở dĩ nhà thờ Cha Diệp trở nên nổi tiếng là do sự linh thiêng của Cha Diệp đem lại “ai đến khẩn điều gì cũng đều được”. Đó có phải là mê tín không? Chắc chắn là không, vì “hữu thành tất ứng”, ân phúc dành cho những ai tin tưởng nguyện cầu. Đức tin là sự tin tưởng từ tâm, không thể chứng minh như trong khoa học để thấy bằng nhục nhãn, nhưng kết quả sẽ là điều minh chứng mà thông thường, chỉ người trong cuộc cảm nhận được.

Thảo Đường vì hoàn cảnh khó khăn chưa xây dựng thành trung tâm thiền lớn, nổi tiếng như ở Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ hay Tích Lan...nhưng, trong tương lai thì sao?

Một thiền viện hay một tịnh thất có hại cho an ninh nhà nước không? Chắc chắn là không vì ý nghĩa của thiền là:

- vì trí của ta bay nhảy không ngừng làm con người dễ bị “stress”, suy nhược thần kinh trong một thế giới còn nhiều bất công, bạo lực...THIỀN sẽ kiểm soát ý nghĩ, làm chủ tư tưởng, giúp chúng ta vượt qua.
- sự tĩnh tâm, nghe tiếng nói của Tâm Thức, suy tư tìm hiểu thật sự mình là ai; chết rồi đi về đâu, chết có phải là hết không?

- Tìm hiểu bản thể của vũ trụ; Thượng Đế ở trong Tâm ta hay ngoài ta...

Hơn thế nữa, Luật về Tịnh Thất trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ qui định rất nghiêm ngặt, như tu tập từ 4 giờ sáng đến 12 giờ khuya; tự sản xuất để tồn tại; người nhà không được gửi quà hay thăm viếng...

Tóm lại, Thánh Thất Khổ Hiền Trang xưa nên được bảo tồn, có thể tôn tạo trang trí phía trong lại làm thành một thiền đường để người trong đạo, ngoài đạo đều có thể đến tĩnh tâm. Chi phí sẽ kêu gọi người thiện tâm đóng góp.

Hiện nay, việc quản lý bảo vệ và khai thác yếu tố du lịch tại Thánh Thất Khổ Hiền Trang còn nhiều bất cập. Việc đầu tư nâng cấp các di tích với tư cách là một sản phẩm du lịch chưa được triển khai. Còn tình trạng phó mặc cho những người quản lý, đập phá theo ý riêng. Những lỗ hổng trong cách quản lý đó dẫn đến hậu quả khôn lường, không những không có tác dụng thu hút du khách mà ở một chừng mực nhất định còn làm phương hại đến hình ảnh chung cách lãnh đạo của chính quyền địa phương, cấp lãnh đạo trung ương của nền tôn giáo đó về di tích lịch sử, văn hoá quốc gia. Nếu không sớm khắc phục, chúng ta sẽ có lỗi rất lớn với lịch sử.

Phụ lục

ÍCH LỢI CỦA THIỀN

THIỀN (Sanskrit: Dhyana) là tĩnh lặng, là sự tập trung tâm chú ý vào một đối tượng mà không suy nghĩ một điều gì khác (Thiền Chỉ), hoặc Tâm dõ theo hơi thở vào, hơi thở ra (Thiền Quán).



Lúc Thiền, định được tâm, vùng liên hệ đến sự tập trung chú ý (Self-awareness), phía trên bộ não, tăng trưởng làm cho con người dễ tập trung thay vì nghĩ lung tung. Vùng thứ hai liên hệ đến an lạc vui vẻ, yêu đời (Compassion) cũng được gia tăng, con người cảm thấy nhẹ nhàng an lạc thay vì chán

nản giận hờn lo âu, cau có. Và đặc biệt hơn là, vùng thứ ba liên hệ đến căng thẳng (Stress) bị teo nhỏ lại. Lúc con người không bị căng thẳng hay có rất ít căng thẳng thì sẽ không có hoặc có rất ít bệnh tật.

Stress là một phản ứng bảo vệ, khi cơ thể bị một mối đe dọa, mối nguy hiểm xảy đến cho nó. Người ta gọi nó là phản ứng (hay đáp ứng) “chiến đấu hoặc bỏ chạy” (fight or flight response), nghĩa là trong tình huống đó, chỉ có hai cách để chọn lựa: chiến đấu hoặc bỏ chạy để... sinh tồn! Lúc đó, cơ thể phải huy động toàn lực để đối phó. Não thùy sẽ ra lệnh tiết các kích thích tố cần thiết, nào adrenaline, nào norepinephrine, cortisol...ồ ạt đổ vào máu. Tim đập nhanh để bơm máu về các cơ bắp lớn, phổi hỗn hển tăng tốc bơm oxy, đường huyết vọt lên cao nhằm tăng cường khẩn cấp năng lượng, đồng tử mắt nở to để nhìn cho rõ, tai vểnh lên, mũi phồng ra... Tóm lại, mọi thứ đều phải trong tư thế sẵn sàng...

Đại học Y khoa Harvard ước tính có từ 60%- 90% bệnh nhân (ở Mỹ) tìm đến bác sĩ là do stress.

Stress liên quan đến rất nhiều bệnh lý như nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp, tiểu đường, suyễn, đau nhức kinh niên, mất ngủ, dị ứng, nhức đầu, đau thắt lưng, một số bệnh ngoài da, ung thư, tai nạn thương tích, tự tử, trầm cảm, giảm miễn dịch v.v... Tóm lại là rất phức tạp. Bác sĩ nếu không quan tâm đúng mức – đau đầu chữa đó – thì chỉ chữa được triệu chứng bên ngoài còn cái gốc sâu thẳm bên trong là stress vẫn không được giải tỏa, nên chuyển từ “bệnh” này qua “bệnh” khác, và do đó, chất lượng cuộc sống bị giảm sút rõ rệt! Não ta có một đặc điểm lý thú là không thể cùng lúc nghĩ tới hai việc. Đã nghĩ điều này thì quên điều kia. Và người ta đã “lợi dụng” đặc điểm này để dịch chuyển các điểm tập trung trên vỏ não từ vùng này sang vùng khác. Chẳng hạn đang giận sôi lên thì... xảy ra động đất hay cháy nhà, lập tức vùng “giận sôi” của vỏ não tắt ngấm để nhường chỗ cho vùng sợ hãi! Ta biết giận dữ hay sợ hãi đều tiêu tốn rất nhiều năng lượng. Nó có thể làm ta kiệt sức, suy sụp, thở không ra hơi... Có thể chọn cách nào khác chuyển dịch hay hơn, có lợi cho sức khỏe hơn chẳng?

Có đó. [Đó là cách thở sâu, thở bụng, đưa hơi xuống huyết... đan điền](#) (dưới rún chừng 4 cm). Nó giúp cho ta tĩnh tâm lại. Tập luyện đúng mức, não thùy sẽ tiết ra một kích thích tố gọi là endorphine, một thứ á-phiện nội sinh, làm cho dịu nhẹ toàn thân, tạo sự sáng khoái, lâng lâng, mà không gây tác dụng phụ.

Thiền, yoga, dưỡng sinh, tài chí, khí công... đều là những cách làm cho thân tâm hợp nhất, làm cho ta quay trở lại với chính mình bằng cách lắng nghe hơi thở của chính mình. Hiện nay các kỹ thuật này ngày càng được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi ở các Trung tâm y khoa lớn trên thế giới để trị liệu các bệnh do stress gây ra, các chứng trầm cảm, tâm thần, lo âu, đau nhức..., kể cả nghiện rượu, thuốc lá, ma túy... một cách rất có hiệu quả.

Năm 1967 BS Herbert Benson, giáo sư y khoa tại Harvard Medical School, thí nghiệm trên 36 người hành Thiền siêu vượt (Transcendental Meditation), ông thấy, lúc định được tâm các thiền giả sử dụng 17% oxy ít hơn, tim giảm đập ba nhịp một phút và tăng làn sóng não (theta). ..

Bs, Dean Ornish cho rằng thiền, cùng với yoga và ăn kiêng, sẽ đẩy lùi chất tích tụ ở vành động mạch. Sau đó, tại cuộc họp của hội Niệu học Mỹ (American Urological Association), ông công bố thí nghiệm, Thiền có thể làm chậm ung thư tuyến tiền liệt. Phụ nữ hành thiền, các tế bào miễn nhiễm cao hơn; chống ung thư vú. Thiền cũng giúp làm hạ huyết áp. 60% bệnh nhân đến khám bác sĩ vì do bị căng thẳng. Thiền cũng giúp những người yếu sinh lý không cần dùng thuốc Viagra.

Thiền sư Elaine MacInnes đã dùng Thiền, đưa các tù nhân “từ một tâm trạng giận dữ, suy nhược, trầm cảm...thành những người mạnh khỏe đột biến bất thần đầy hứa hẹn” . Do vậy, năm 2001 chính phủ Canada, tặng bà Huy chương Cao quý về hoạt động nhân đạo.

SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

Việt Nam Phật Giáo Sử Luận	Nguyễn Lang
Dòng thiền Phổ độ	Trần văn Rạng
Tự điển Cao Đài	Đức Nguyên
Thiên Nhân Thầy	Nguyên Thủy

CHÂN THÀNH CẢM TẠ CÁC TÁC GIẢ TRÊN